

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1958. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh M, sinh năm 1952.

Nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: Thôn Th, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị V trình bày: Vào năm 1986, bà V và ông Hoàng Minh M, sinh năm 1952 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà V và ông M chung sống với nhau tại thôn Thôn Th, xã C, huyện K được 01 năm và có với nhau 01 người con tên Hoàng Văn N (sinh ngày 10/12/1986). Sau đó,

ông M bỏ đi khỏi nhà, bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay không rõ tin tức. Bà V cũng đã hỏi thăm thông tin của ông M nhiều nơi nhưng cũng không có thông tin gì. Vì vậy, bà V đã yêu cầu Toà án nhân dân huyện Krông Búk tuyên bố ông M mất tích theo Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS ngày 08/4/2024 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk.

Nay để bảo đảm quyền lợi cho bà V có cuộc sống riêng, bà V yêu cầu Toà án giải quyết cho bà V được ly hôn với ông Hoàng Minh M. Về con chung: trong quá trình chung sống bà V và ông M có 01 con chung là Hoàng Văn N (sinh ngày 10/12/1986). Anh N đã trên 18 tuổi và tự lập được, có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà V không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn ông Hoàng Minh M đã mất tích từ năm 1987 theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất tích số 01/2024/QĐST-VDS ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk. Đến nay không có tin tức gì của ông M.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông M đã mất tích nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án, ông M và bà V tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986. Quá trình chung sống thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên ông M bỏ đi khỏi địa phương, không chung sống với bà V từ năm 1987; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện ông M đã mất tích nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà V ly hôn với ông M. Về con chung, ông M và bà V có 01 người con chung tên Hoàng Văn N (sinh ngày 10/12/1986). Anh N đã trên 18 tuổi và tự lập được, có gia đình riêng nên bà V không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung, bà V không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông M đã mất tích nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- **Về nội dung:**

[1] *Về hôn nhân:* Bà Hoàng Thị V và ông Hoàng Minh M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 cho đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai bên có tổ chức lễ ra mắt họ hàng và cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và có 01 người con tên Hoàng Văn N (sinh ngày 10/12/1986). Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Mục 1, điểm d Mục 2 Thông tư liên tịch 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội "về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình" thì quan hệ chung sống như vợ chồng giữa ông M và V là hôn nhân thực tế được công nhận là vợ chồng.

Ông M, bà V sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ông M đã bỏ đi khỏi địa phương, khỏi có tin tức. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm; hiện ông M đã mất tích nên để đảm bảo quyền lợi nhân thân của mình bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M và bà V đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V là phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung:* Anh Hoàng Văn N (sinh ngày 10/12/1986) đã trên 18 tuổi và tự lập được, có gia đình riêng, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xử lý.

[3] *Về tài sản và công nợ chung:* Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí Tòa án nên miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà V theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4, khoản 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị V.

- *Về hôn nhân*: Cho bà Hoàng Thị V được ly hôn với ông Hoàng Văn M.

- *Về con chung*: Ông Hoàng Minh M và bà Hoàng Thị V có 01 người con chung tên Hoàng Văn N (sinh ngày 10/12/1986); anh N đã trên 18 tuổi và tự lập được, có gia đình riêng, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xử lý.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Bà Hoàng Thị V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về án phí*: Bà Hoàng Thị V là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí Tòa án nên miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà V.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với bị đơn đã bị tuyên bố mất tích Tòa án sẽ niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- UBND xã Chư Kô, huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Văn Hải